

**CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG FALASOL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG FALASOL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FALASOL RESTAURANT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FALASOL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109958538

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6B Phan Chu Trinh, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0356522655

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                       | 4631        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống<br>(Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu và chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)                               | 4633        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                            | 8230        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                  | 8299        |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                 | 4711        |
| 7.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4721        |
| 8.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4722        |
| 9.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu và chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật) | 4723        |
| 10. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                      | 1010        |
| 11. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                              | 1020        |
| 12. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                         | 1030        |
| 13. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                  | 1050        |
| 14. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                        | 1071        |
| 15. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                       | 1072        |
| 16. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                  | 1073        |
| 17. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                         | 1074        |
| 18. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                | 1075        |
| 19. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                       | 1079        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                     | 5610(Chính) |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                             | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                 | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                              | 5630        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG TÙNG     | Việt Nam  | Số nhà 101C, A13 TT Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.000.000.000         | 50,000    | 001092023363                                                                                            |         |
| 2   | LÊ THU QUYÊN   | Việt Nam  | Số 30 Nguyễn Huy Tụ, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 4.000.000.000         | 50,000    | 001170005555                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092023363

Ngày cấp: 28/05/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 101C, A13 TT Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 101C, A13 TT Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội